

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM “GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG - KĨ NĂNG SỐNG” DÀNH CHO HỌC SINH TIỂU HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI GIÁO DỤC HIỆN NAY

Trần Thị Lệ Thu¹, Trần Thị Cẩm Tú¹, Nguyễn Đức Giang²

Bùi Thị Nga³ và Bùi Bích Liên³

¹Khoa Tâm lí giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

²Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội.

³Hệ thống giáo dục Nguyễn Bình Khiêm - Cầu Giấy, Hà Nội

Tóm tắt. Bài viết giới thiệu tổng quan chương trình hoạt động trải nghiệm “Giáo dục giá trị sống - kĩ năng sống” (GTS - KNS) dành cho học sinh tiểu học của nhóm “Tay trong Tay” (TTT), chương trình đã được hội đồng khoa học của Hội khoa học Tâm lí - Giáo dục Việt Nam thẩm định và phê duyệt từ năm 2016, được điều chỉnh hàng năm và được in thành sách đưa vào giáo dục học sinh ở nhiều trường tiểu học. Bài viết tập trung phân tích và luận giải về: Cơ sở khoa học của chương trình, cách tiếp cận xây dựng chương trình, mục tiêu chương trình, nội dung tổng thể của chương trình, các nguyên tắc giáo dục, các phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục GTS - KNS của chương trình này. Bài viết cũng phân tích và mô tả tính thống nhất của chương trình với xu hướng giáo dục thế giới, với mục tiêu và định hướng của Chương trình đổi mới giáo dục phổ thông tổng thể hiện nay do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; đồng thời một số đề xuất về việc triển khai chương trình hoạt động trải nghiệm này tại nhà trường phổ thông và các cơ sở giáo dục trong tương lai cũng sẽ được phân tích, bàn luận.

Từ khóa: giá trị sống, kĩ năng sống, hoạt động trải nghiệm, đổi mới giáo dục, tiểu học, Chương trình giáo dục phổ thông.

1. Mở đầu

Mục tiêu của giáo dục là hướng tới hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội. Một trong những con đường để thực hiện mục tiêu giáo dục đó chính là giáo dục giá trị sống (GTS) và kĩ năng sống (KNS) thông qua hoạt động trải nghiệm được tổ chức khoa học trong các nhà trường phổ thông. Giáo dục GTS và KNS là nền tảng để phát triển phẩm chất và năng lực đồng thời những phẩm chất hay giá trị được hình thành ở mỗi cá nhân sẽ không trở nên giáo điều mà chúng được biểu hiện, được áp dụng ngay trong cuộc sống của cá nhân và cộng đồng (Lovat et al., 2009; Tillman, 2010; UNESCO, 2019; Nguyễn Thanh Bình và cộng sự, 2018; Đặng Thuý Anh và cộng sự, 2014; Nguyễn Công Khanh, 2012; Nguyễn Thị Mỹ Lộc và cộng sự, 2010; Trần Thị Lệ Thu, 2014).

Giáo dục giá trị sống (GTS) và kĩ năng sống (KNS) là lĩnh vực rất được quan tâm trong nội dung giáo dục toàn diện cho học sinh hiện nay. Nội dung liên quan đến GTS và KNS đã được xây dựng thành một số chủ đề và đưa vào chương trình trải nghiệm bắt buộc trong các môn học

ở Tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Hiện nay, rất nhiều trường và nhiều tổ chức đưa môn học GTS/KNS vào chương trình dạy học theo tuần, theo tiết hoặc chương trình cung cấp dịch vụ trọn gói, riêng biệt. Tuy nhiên thực tế cho thấy còn thiếu những bộ sách GTS/KNS mang tính hệ thống, thực sự phù hợp với bối cảnh giáo dục học sinh tiểu học Việt Nam.

Từ năm 2011 các thành viên đầu tiên của nhóm “Tay trong Tay” (TTT) thuộc Quỹ tài năng trẻ Tâm lý học - Giáo dục học (QTN), Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam đã bắt đầu nghiên cứu xây dựng và thực nghiệm Chương giáo dục GTS - KNS theo cách tiếp cận mới. Đến năm 2014, sau 04 năm liên tục tham gia tình nguyện giảng dạy, đào tạo cho đội ngũ giáo viên và học sinh tiểu học ở nhiều trường; nhóm đã xuất bản bộ sách Giáo dục GTS - KNS dành cho học sinh tiểu học từ lớp 1 đến lớp 5. Bộ sách bao gồm sách dành cho học sinh và sách hướng dẫn giáo viên.

Bộ sách đã được Hội đồng khoa học của Hội khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam thẩm định và phê duyệt thông qua theo quyết định số 46-2016/QĐ-TWH, ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam (Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam, 2016). Từ năm học 2014 - 2015 đến nay nhiều trường tiểu học tại tỉnh Nghệ An đã và đang dạy GTS - KNS cho học sinh theo bộ sách này. Nhóm TTT đã tập huấn và triển khai chương trình giáo dục GTS - KNS một cách tổng thể tại Hệ thống giáo dục Nguyễn Bình Khiêm, quận Cầu Giấy, Hà Nội và các trường tiểu học ở huyện Tiên Lãng, Hải Phòng; nội dung bộ sách cũng từng được nhiều trường tiểu học tham khảo và đưa vào áp dụng một phần như Trường tiểu học Quan Hoa (Hà Nội), Trường tiểu học Vinschool, Trường tiểu học Bạch Dương,...

Bài viết này sẽ giới thiệu tổng quan về chương trình hoạt động trải nghiệm “Giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống” dành cho học sinh tiểu học của nhóm TTT; phân tích và bàn luận sâu về cơ sở khoa học, cách tiếp cận, nội dung của chương trình (bộ sách); đặc biệt là tính gắn kết, phù hợp của bộ sách với Chương trình đổi mới giáo dục phổ thông tổng thể hiện nay cũng như sự tương đồng với xu thế giáo dục trải nghiệm dựa trên những bằng chứng khoa học đã được nghiên cứu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay và hoạt động trải nghiệm giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống

Xu hướng toàn cầu hóa, nền kinh tế tri thức và đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với những đột phá trong công nghệ đã tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực trong xã hội. Yêu cầu đặt ra cho các quốc gia là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực mà trong đó giáo dục được xem là yếu tố then chốt. Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể cho thấy sự đổi mới căn bản, toàn diện trong bối cảnh hiện nay.

Chương trình giáo dục phổ thông cụ thể hoá mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại. Chương trình giáo dục tiểu học giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Chương trình giáo dục phổ thông hình thành và phát triển cho học sinh 5 phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm và 10 năng lực cốt lõi: a) Những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục:

năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; b) Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất.

Một trong những điểm đáng lưu ý của Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể đó là bên cạnh các môn học, hoạt động giáo dục cụ thể là hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có vị trí như một môn học và là hoạt động giáo dục bắt buộc trong nhà trường được thực hiện từ lớp 1 đến lớp 12 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

“Hoạt động trải nghiệm” và “Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp” là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai. Mục tiêu hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học hướng tới hình thành cho học sinh thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày, chăm chỉ lao động; thực hiện trách nhiệm của học sinh ở nhà, ở trường và ở địa phương; biết tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân; hình thành những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá; có ý thức hợp tác nhóm và hình thành được năng lực giải quyết vấn đề.

Việc xây dựng chương trình hoạt động trải nghiệm nhằm đạt được mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể về việc hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất và năng lực cần thiết, đồng thời thực hiện hiệu quả các nguyên tắc trải nghiệm là một yêu cầu cần thiết. Chương trình hoạt động trải nghiệm “Giáo dục GTS – KNS” dành cho học sinh tiểu học của nhóm tác giả TTT được phát triển theo những yêu cầu và mục tiêu chung của Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể nhằm hướng sự thống nhất về mục tiêu, nội dung, phương pháp triển khai thực hiện trong các nhà trường phổ thông nói chung và các nhà trường tiểu học nói riêng. Phân tích chương trình hoạt động trải nghiệm “Giáo dục GTS - KNS” trên một số bình diện như cơ sở khoa học xây dựng chương trình, cách tiếp cận, mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp tổ chức sẽ làm rõ tính gắn kết và tính đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục của chương trình.

2.2. Chương trình hoạt động trải nghiệm “giáo dục giá trị sống - kĩ năng sống” dành cho học sinh tiểu học của nhóm “tay trong tay”

2.2.1. Cơ sở khoa học và cách tiếp cận xây dựng chương trình

Chương trình GTS - KNS dành cho học sinh tiểu học của nhóm TTT được nghiên cứu, thực nghiệm, viết và triển khai áp dụng dựa trên cơ sở lí luận nền tảng là các lí thuyết, học thuyết về sự phát triển tư duy, tâm lí, trí tuệ của trẻ em tuổi tiểu học như: (1) Các lí thuyết phát triển tâm lí người; (2) Các lí thuyết về nhân cách; (3) Lí thuyết Đa trí tuệ của nhà Tâm lí học người Mỹ Howard Earl Gardner; (4) Lí thuyết Hệ thống sinh thái của nhà Tâm lí học người Mỹ Urie Bronfenbrenner; (5) Lí thuyết học tập qua trải nghiệm của nhà lí luận giáo dục người Mỹ David Allen Kolb, (6) Mô hình Tháp học tập của Phòng Thực nghiệm Đào tạo Quốc gia (NTL) tại thành phố Bethel, tiểu bang Maine, Hoa Kỳ; (7) Tâm lí học giáo dục; (8) Tâm lí học trường học; (9) Tâm lí học tích cực; (10) Giáo dục học.

Về thực tiễn, bộ sách của chương trình được phát triển dựa trên: (1) Những kết quả nghiên cứu về Tâm lí học - Giáo dục học, Giá trị học và con người Việt Nam của Giáo sư, Viện sĩ Phạm Minh Hạc; (2) Chương trình “iMind Education” của Quỹ Tài năng trẻ Tâm lí học - Giáo dục học; (3) Chương trình Giáo dục các Giá trị sống được triển khai từ Dự án Quốc tế bắt đầu từ

năm 1995 để kỉ niệm 50 năm ngày thành lập Liên hợp quốc; (4) Những kết quả nghiên cứu thực tiễn trên thế giới (UNESCO, 2018) và tại Việt Nam (với khách thể là: giáo viên, học sinh, phụ huynh và cán bộ quản lí giáo dục) của nhóm tác giả TTT; (5) Kết quả thực nghiệm chuỗi bài dạy GTS và KNS của nhóm tác giả TTT tại một số trường tiểu học từ năm 2011 đến nay; (6) Sự kế thừa các chương trình nước ngoài và trong nước với những điều chỉnh, bổ sung phù hợp văn hoá Việt Nam (Thu Thi Le Tran et al., 2021).

Áp dụng cơ sở khoa học về mặt lí luận và thực tiễn tạo nền tảng vững chắc trong việc lựa chọn các nội dung, các hoạt động trải nghiệm, các phương pháp, hình thức tổ chức trải nghiệm phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí học sinh tiểu học cũng như đảm bảo tính khoa học của chương trình.

Sách được xây dựng trên cơ sở định hướng đổi mới giáo dục hiện nay của Việt Nam; tuân thủ những hướng dẫn trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể; theo xu hướng tiếp cận năng lực, dạy học tích hợp và tổ chức đa dạng hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh (Thu Thi Le Tran et al., 2021).

Về cách tiếp cận, nội dung của sách được xây dựng trên cơ sở tích hợp - giáo dục đồng thời cả GTS, KNS và kĩ năng mềm (hay còn gọi là KNS nền tảng). Trong từng bài dạy, giáo viên và học sinh sẽ trải nghiệm đồng thời những hiểu biết về GTS và rèn luyện KNS, kĩ năng mềm (KNM).

2.2.2. Mục tiêu và nội dung chương trình

Chương trình (bộ sách) giáo dục GTS - KNS của nhóm TTT dành cho học sinh hướng vào 5 mục tiêu chính sau: (1) Gieo mầm hiểu biết và trải nghiệm về GTS và KNS cho mỗi học sinh; (2) Rèn luyện các kĩ năng mềm (KNS nền tảng) cho học sinh; (3) Tạo hứng thú, niềm yêu thích cho học sinh trong việc rèn luyện, phát triển và thể hiện các GTS, KNS tích cực, tốt đẹp; (4) Tổ chức nhiều hoạt động để học sinh trải nghiệm, thể hiện, phân biệt giữa GTS và KNS tích cực với GTS và KNS tiêu cực; (5) Thúc đẩy và phát triển 05 phẩm chất (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và 03 nhóm năng lực (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) theo yêu cầu cần đạt về *phẩm chất* và *năng lực* thuộc Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo; (6) Tạo sự đồng thuận cao giữa gia đình, giáo viên và nhà trường trong hoạt động giáo dục GTS và KNS cho học sinh. Mục tiêu của chương trình giáo dục GTS - KNS phù hợp với mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể trong việc hình thành các phẩm chất và các năng lực cốt lõi như đã phân tích ở trên.

Nội dung giáo dục GTS - KNS từ lớp 1 đến lớp 5 trong bộ sách bao gồm 12 GTS - KNS và 09 kĩ năng mềm (KNM), bảng 1 tổng hợp khái quát nội dung này.

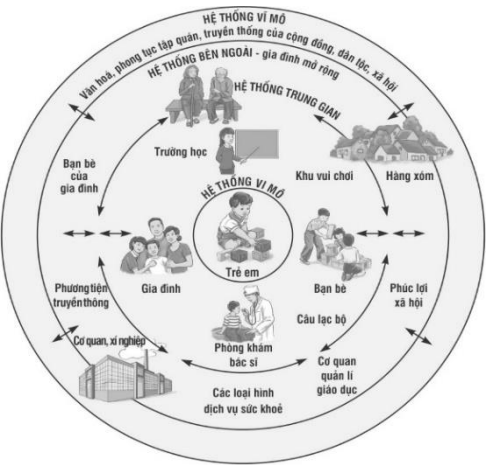
Bảng 1. Tổng hợp nội dung GTS - KNS và KNM trong bộ sách của nhóm “Tay trong Tay”

Lớp	12 GTS theo lớp	12 KNS theo lớp	09 KNM nền tảng
1	Bình an Tôn trọng	Nhận biết và rèn luyện Bình an Nhận biết và rèn luyện Tôn trọng	Quan sát Nhận diện cảm xúc Lắng nghe Biểu cảm Chia sẻ Thuyết trình Hợp tác Tự nhận thức Ra quyết định
2	Yêu thương Khoan dung	Nhận biết và rèn luyện Yêu thương Nhận biết và rèn luyện Khoan dung	
3	Hạnh phúc Trách nhiệm	Nhận biết và rèn luyện Hạnh phúc Nhận biết và rèn luyện Trách nhiệm	
4	Hợp tác Khiêm tốn Trung thực	Nhận biết và rèn luyện Hợp tác Nhận biết và rèn luyện Khiêm tốn Nhận biết và rèn luyện Trung thực	
5	Giản dị Tự do Đoàn kết	Nhận biết và rèn luyện Giản dị Nhận biết và rèn luyện Tự do Nhận biết và rèn luyện Đoàn kết	

Toàn bộ nội dung của bộ sách được xây dựng theo định hướng đồng tâm, dựa trên lí thuyết và mô hình sinh thái của nhà tâm lí học người Mỹ Bronfenbrenner: các bài học tập trung vào bản thân trẻ, sau đó tới các mối quan hệ - môi trường gần nhất với trẻ, rồi được mở rộng dần. Ví dụ: khi học giá trị tôn trọng các em sẽ trải nghiệm sự tôn trọng đối với bản thân, tiếp đó là tôn trọng với bố mẹ, ông bà, anh chị, thầy cô, bạn bè, và mở rộng hơn là tôn trọng tập thể, cộng đồng, môi trường sống; Học về kĩ năng sống các em cũng được hướng dẫn rèn luyện để thể hiện tôn trọng với bản thân, tôn trọng trong gia đình, trường học và cộng đồng.

Mỗi bài học bao gồm cả GTS và KNS: GTS là nền tảng (cái gốc), KNS là sự thể hiện, bộc lộ của cái cốt lõi là GTS. Trong mỗi bài bao gồm cả phần rèn luyện các KNM (chính là những KNS cơ bản, nền tảng). Ví dụ học về giá trị tôn trọng, các em được rèn kĩ năng thể hiện, phát triển giá trị tôn trọng; đồng thời được tích hợp luyện tập và phát triển cả một số KNM như kĩ năng lắng nghe, kĩ năng thuyết trình, kĩ năng chia sẻ, kĩ năng hợp tác và tự nhận thức.

Mỗi bài học thường có cấu trúc bao gồm 04 - 06 hoạt động: hoạt động khởi động; các hoạt động trải nghiệm giá trị và kĩ năng (2 - 4 hoạt động); hoạt động “trải nghiệm tại gia đình” (cùng làm với các thành viên trong gia đình); chuẩn bị cho bài học sau (Trần Thị Lệ Thu, Bùi Bích Liên, 2021).



Mô hình 1. Hệ sinh thái của Urie Bronfenbrenner

(Mô tả trẻ em sống và phát triển trong mối quan hệ tương tác với môi trường - cộng đồng đa dạng, từ môi trường gần nhất tới những môi trường rộng hơn)

Bảng 2. Cấu trúc một bài học trong sách học sinh lớp 1 (bài 1- Em cảm thấy bình an)

Các hoạt động trong bài 1	Câu lệnh	GTS- KNS được học & trải nghiệm trong bài	Kĩ năng mềm được rèn luyện trong bài
1. Ngày đầu tiên đi học	Em cùng cả lớp hát và múa bài hát Ngày đầu tiên đi học, sau đó vẽ biểu tượng cảm xúc của các bạn vào ô trống bên dưới.	Bình an	Quan sát
2. Ngôi sao của em	Em cùng cả lớp lắng nghe thầy/cô kể Câu chuyện về những ngôi sao, sau đó trang trí và tô màu ngôi sao bên dưới.	Nhận biết và rèn luyện Bình an	Nhận diện cảm xúc
3. Vòng tròn chia sẻ	Em hãy chia sẻ với bạn bên cạnh điều mình thích nhất trong bài học hôm nay.		Lắng nghe
4. Cả nhà cùng làm	Gia đình gợi ý em chia sẻ về những hoạt động em yêu thích, sau đó hướng dẫn em nói hoạt động yêu thích với biểu tượng cảm xúc.		Biểu cảm
			Chia sẻ
			Thuyết trình
			Hợp tác
			Ra quyết định
Thông điệp của bài học: <i>Bình an là khi em không lo lắng, không sợ hãi</i>			

Thiết kế sách cho chương trình này cũng đảm bảo những hình ảnh phù hợp với nội dung và đặc điểm văn hóa vùng, miền, giới tính, đồng thời minh họa theo lối giản lược. Yêu cầu cụ thể hoạt động căn cứ trên đặc điểm nhận thức của học sinh Tiểu học như sự cân đối giữa kênh hình và kênh chữ, tính cá biệt hóa trong dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục. Bộ sách nhất quán trong việc tôn trọng quyền sáng tạo riêng của mỗi học sinh; nhằm tạo cơ hội khuyến khích học sinh tự sáng tạo, tự tô màu và trang trí các tranh, các sản phẩm để mỗi cuốn sách trở thành một sản phẩm riêng của từng em.

2.2.3. Các nguyên tắc và phương pháp giáo dục của chương trình

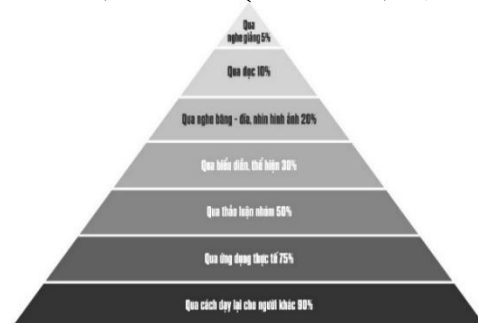
Chương trình giáo dục GTS - KNS do nhóm TTT xây dựng được tổ chức theo hướng trải nghiệm vì vậy những giờ hoạt động của chương trình đòi hỏi giáo viên nắm vững nguyên tắc khi tổ chức hoạt động trải nghiệm. Để triển khai có hiệu quả chương trình GTS - KNS dành cho tiểu học, giáo viên cần thực hiện 6 nguyên tắc cơ bản đã được đề xuất như: (1) Thời gian giáo viên giảng bài ít hơn thời gian cho học sinh làm/ nói/ trải nghiệm; (2) Phát huy ít nhất 3/8 loại trí tuệ trong lý thuyết trí tuệ đa nhân tố của Howard Gardner; (3) Đón nhận mọi kết quả, khuyến khích học sinh phù hợp, (4) Quản lý lớp học rõ ràng, linh hoạt; (5) Áp dụng kỉ luật tích cực; (6) Điều chỉnh nội dung kế hoạch bài dạy phù hợp đối tượng học sinh.

Bảng 3. Các loại hình trí tuệ theo Howard Gardner

1. Ngôn ngữ	4. Vận động	7. Tương tác cá nhân
2. Logic	5. Không gian	8. Thiên nhiên
3. Âm nhạc	6. Nội tâm	

Các nguyên tắc được làm rõ và mô tả cụ thể trong chương trình giáo dục này như: (1) Trong mỗi giờ học giáo viên được hướng dẫn để lưu ý không giảng giải nhiều (không thuyết trình/ tránh nói quá nhiều); cần lưu ý để học sinh được trải nghiệm, hoạt động và chia sẻ ý kiến. Giáo viên chỉ nên định hướng, tổ chức, gợi mở, tóm tắt và lắng nghe tích cực. (2) Giáo viên lưu ý chọn hình thức tổ chức và các kĩ thuật dạy học sao cho tối thiểu 3 - 4 trong 8 loại trí tuệ được phát huy (các loại hình trí tuệ ở bảng 2); ví dụ trong một giờ học có thể khơi dậy: trí tuệ ngôn ngữ, âm nhạc, vận động và tương tác cá nhân. (3) Giáo viên đón nhận và khuyến khích cho dù học sinh có thể trả lời chưa đúng, chưa đầy đủ, sai hoặc chưa chính xác; giáo viên nên lắng nghe tích cực trong mọi trường hợp; đồng thời hướng dẫn, điều chỉnh, bổ sung theo cách nói và hướng tư duy tích cực; tạo cơ hội để học sinh tiến bộ. (4) Giáo viên cần chú ý khen học sinh (nhóm, tập thể) khi các em tích cực hoạt động: khen bằng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, biểu cảm hoặc phần thưởng tinh thần hay vật chất nhỏ và ý nghĩa (vỗ tay, thẻ việc tốt, ngôi sao đáng yêu, v.v.). (5) Giáo viên lưu ý quản lý lớp học thật tốt, bao gồm: quản lý tâm lý xã hội (lưu ý đặc điểm của từng học sinh, yếu tố gia đình, yếu tố bạn bè,...), quản lý quy trình (tiền trình từng hoạt động và chuyển giữa các hoạt động trong bài phải rõ ràng, nhịp nhàng; áp dụng nội quy lớp, trường), quản lý không gian (vị trí, chỗ ngồi, nơi hoạt động,...), quản lý thời gian, quản lý hành vi, quản lý học cụ. (6) Giáo viên nên áp dụng kỉ luật tích cực: Giải thích, hệ quả tự nhiên và logic, tránh công chúng hóa lỗi của học sinh, tạo cơ hội để học sinh sửa chữa và vươn lên, không phạt mang tính bạo lực thể chất hoặc tinh thần.

Mỗi địa phương có nét văn hóa riêng, mỗi lớp học, trường học và học sinh có hoàn cảnh riêng... vì thế giáo viên hoàn toàn có thể linh hoạt và sáng tạo điều chỉnh, bổ sung, thay thế các hoạt động trong mỗi bài học. Nội dung trong sách có thể trở thành những gợi ý ban đầu để giáo viên chủ động lựa chọn; bởi vì trên thực tế khó có thể có một bộ sách đáp ứng mọi đối tượng, mọi nhu cầu và văn hóa địa phương. Giáo viên có thể bổ sung thông tin tham khảo, điều chỉnh (có thể thêm, lược bỏ, bổ sung) một số hoạt động, học cụ cho phù hợp với học sinh của lớp, của trường và văn hóa địa phương. Giáo viên có thể lồng ghép các hoạt động mang tính truyền thống của địa hương hoặc các hoạt động thường niên trong năm vào bài học GTS - KNS cho học sinh, cụ thể như các dịp: Tết dương lịch/ âm lịch, giảng sinh, ngày Quốc tế Phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam, ngày thành lập Đội TNTP HCM, Trung thu, nghỉ hè, ngày thương binh - liệt sĩ, giờ Trái đất, ngày Nhà giáo Việt Nam, ngày người khuyết tật Việt Nam,...



Mô hình 2. Tháp học tập của Phòng Thực nghiệm Đào tạo Quốc gia (NTL) tại Bethel, Maine, Hoa Kỳ

Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm để triển khai các nội dung của các chủ đề, bài học đa dạng nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Về cơ bản, thường xoay quanh 7 phương pháp chính là: dạy học nhóm, nghiên cứu trường hợp, động não, giải quyết vấn đề, đóng vai, trò chơi, dự án. Một số kỹ thuật dạy học cụ thể thường dùng trong khi triển khai chương trình này như (1) hướng dẫn người học tự khám phá, suy ngẫm và chia sẻ; (2) sử dụng các sự kiện có thật để cùng bàn luận và thực hành; (3) trải nghiệm giá trị và kỹ năng thông qua từng trò chơi; (4) cảm nhận về giá trị và kỹ năng thông qua các vai đa dạng; (5) khám phá những ý tưởng mới, trải nghiệm mới của bản thân và người xung quanh; (6) hình dung, tưởng tượng các sự kiện, các tình huống; (7) hồi tưởng về quá khứ hoặc những trải nghiệm đã qua; (8) thể hiện giá trị thông qua các hình thức đa dạng (âm nhạc, nghệ thuật, hình thể, ngôn ngữ và phi ngôn ngữ,...); (9) nêu gương (hình mẫu); (10) rèn luyện, sử dụng và thể hiện KNS dựa trên nền tảng của những GTS tích cực; (11) bộc lộ những GTS tích cực thông qua các kỹ năng tích cực; (12) lồng ghép giáo dục GTS và KNS vào các môn học và hoạt động trong nhà trường;... (Trần Thị Lệ Thu, 2015).

Về tổng thể, các phương pháp và kỹ thuật dạy học trong chương trình đều dựa trên nền tảng lý thuyết Đa trí tuệ của Howard Gardner (bảng 3), chu trình học tập trải nghiệm (hình 1) và quan điểm về tính hiệu quả của các loại hình học tập theo mô hình 2.

Ngoài các nguyên tắc và phương pháp nêu trên, chương trình cũng đưa ra các chỉ dẫn và lưu ý khác dành cho giáo viên trong quá trình giảng dạy và giáo dục GTS - KNS cho học sinh như:

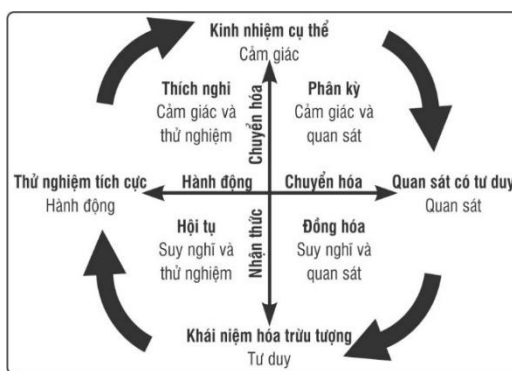
(1) Trong các hoạt động có sử dụng nhạc không lời, giáo viên mở nhạc với âm lượng vừa đủ để làm nền cho hoạt động hoặc giọng đọc của giáo viên. (2) Tùy từng điều kiện trang bị của mỗi trường học, giáo viên chuẩn bị các thiết bị trợ giảng như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính để bàn, ti vi, máy chiếu, máy phát nhạc, loa kết nối không dây (bluetooth),... Tải nhạc, phim, ... phù hợp với nội dung bài học từ internet hoặc quét mã QR được tích hợp trong từng bài dạy để tải về. (3) Tùy theo điều kiện và đặc điểm tâm lý của học sinh mỗi lớp, giáo viên chủ động phân bổ thời gian cho mỗi hoạt động trong một tiết học sao cho phù hợp. (4) Trước khi dừng các hoạt động làm bài, trò chơi, trải nghiệm,... của học sinh, giáo viên cần chủ động nhắc học sinh 1 - 2 lần: “Còn 5 phút nữa, còn 3 phút nữa,... các em nhé!”. Giáo viên cũng có thể sử dụng chiếc chuông nhỏ với âm thanh vừa phải để ra hiệu mỗi lần chuyển, dừng, hay bắt đầu hoạt động mới.

2.2.4. Các kỹ năng mềm rèn luyện cho học sinh trong bộ sách

Trong mỗi bài học, chương trình (bộ sách) cũng ghi rõ những nội dung rèn luyện KNM cho học sinh, cách rèn luyện những KNM này cũng được phân tích cụ thể trong sách hướng dẫn giáo viên (Trần Thị Lệ Thu, Bùi Thị Nga, 2021), cụ thể:

Rèn luyện kỹ năng quan sát: Giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh tập trung chú ý trong quá trình giáo viên gợi ý, làm mẫu, giải thích và khi các bạn chia sẻ; giáo viên định hướng, nhắc nhở học sinh tập trung theo dõi vào các thao tác, hành động, biểu cảm hay các sản phẩm cụ thể trong từng hoạt động của bài học. Khuyến khích học sinh để ý (nhìn lại) bài mình và nhóm đã trình bày (đã dán, đã vẽ, đã treo lên,...) để điều chỉnh cho phù hợp (treo cho cân, dán cho ngay ngắn,...).

Rèn luyện kỹ năng nhận diện cảm xúc: Giáo viên sẽ luôn chú ý biểu cảm và gọi tên hoặc mô tả cảm xúc của mình ở những tình huống, những hoạt động cụ thể trong giờ dạy Giá trị sống - Kỹ năng sống; đồng thời khuyến khích và hướng dẫn các học sinh biểu cảm, gọi tên, diễn đạt



Hình 1. Chu trình học tập trải nghiệm của David Allen Kolb
(nguồn: <https://taogiaoduc.vn/kolb-phong-cach-hoc-tap/>)

hoặc mô tả cảm xúc của mình, của bạn bè và thầy cô qua ngôn ngữ nói. Thường xuyên hướng dẫn để học sinh nhận diện và hiểu biểu cảm, cảm xúc của thầy cô, bạn bè hay các tình huống trong bài học. Giải thích cho học sinh những ảnh hưởng của biểu cảm, cảm xúc tới mọi người xung quanh trong những tình huống cụ thể của giờ học.

Rèn luyện kỹ năng lắng nghe: Giáo viên sẽ luôn để ý giúp học sinh dần hình thành và rèn luyện kỹ năng này trong những thời điểm (hoạt động trải nghiệm) phù hợp. Giáo viên hướng dẫn học sinh chú ý, thể hiện sự quan tâm lắng nghe, hiểu hoặc phản hồi nội dung chia sẻ của người khác (qua biểu cảm gương mặt, cử chỉ phi ngôn ngữ và ngôn ngữ phù hợp).

Rèn luyện kỹ năng biểu cảm: Giáo viên sẽ nhắc học sinh thể hiện cảm xúc phù hợp trong các hoạt động, biểu hiện qua ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, thể hiện qua nét mặt hoặc các hành động cụ thể,...

Rèn luyện kỹ năng chia sẻ: Giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh trong từng hoạt động trải nghiệm, chia sẻ ý kiến, suy nghĩ và cảm xúc của mình trong nhóm nhỏ, nhóm lớn (cả lớp). Hướng dẫn học sinh cách nhận diện, chia sẻ và hiểu cảm xúc của bản thân cũng như của mọi người xung quanh.

Rèn luyện kỹ năng thuyết trình: Giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh cách chia sẻ, truyền đạt ý kiến, thông tin trước nhóm nhỏ hoặc nhóm lớn. Rèn luyện ngôn ngữ nói (đủ to, rõ ràng, từ tốn), biểu cảm gương mặt (sinh động, tự nhiên), tư thế đứng thuyết trình (tự tin, ở vị trí phù hợp, quay sang hướng nhìn được các bạn, tránh cầm sản phẩm cao quá che mất biểu cảm gương mặt của người thuyết trình,...), tác phong (mạnh dạn, hào hứng, nhanh nhẹn); đặc biệt là luyện cách diễn đạt thông tin sao cho logic, đúng yêu cầu hoạt động.

Rèn luyện kỹ năng hợp tác: Kỹ năng này diễn ra trong hầu hết các hoạt động nhóm nhỏ, nhóm lớn. Giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh cách cùng làm, cùng học với bạn, biết lắng nghe, chấp nhận ý kiến của bạn và mạnh dạn chia sẻ ý kiến của mình. Tích cực tham gia thảo luận và hoàn thành mục tiêu chung của nhóm.

Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức: Những bài học và hoạt động nào có thể giúp khám phá bản thân, giáo viên sẽ lưu ý chỉ dẫn và gợi mở để các em nhận ra cảm xúc, hành động và suy nghĩ của mình. Tạo cơ hội để các em chia sẻ, nói về bản thân và tự đánh giá bản thân (ước mơ, sở thích, điểm hay, điểm hạn chế cần sửa chữa,...)

Rèn luyện kỹ năng ra quyết định: Có những tình huống và hoạt động trong bài học mỗi học sinh hoặc cả nhóm cần có lựa chọn của mình. Giáo viên sẽ hướng dẫn, khuyến khích và gợi ý để học sinh biết tự quan sát, tự suy nghĩ, tự giải thích và tự đưa ra lựa chọn (cách làm) của mình, của nhóm mình.

Thực chất việc rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng sống cần kiên trì, bền bỉ qua từng bài học. Lâu dần sẽ hình thành thói quen ổn định ở mỗi học sinh. Do vậy chương trình cũng phân tích và hướng dẫn cụ thể các phương pháp giáo dục KNS trong sách giáo viên để giáo viên lưu ý khuyến khích và nhắc nhở học sinh rèn luyện các kỹ năng trong những hoạt động cụ thể (Trần Thị Lệ Thu & Bùi Thị Nga, 2021; Trần Thị Lệ Thu & Bùi Bích Liên, 2021).

2.3. Bàn luận

Những phân tích và luận giải cụ thể về cơ sở khoa học, về mục tiêu, nội dung chương trình, nguyên tắc, phương pháp và các kỹ thuật giáo dục/ dạy học cũng như các kỹ năng mềm được rèn luyện trong chương trình hoạt động trải nghiệm GTS - KNS của nhóm TTT cho thấy chương trình này đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục tại Việt Nam hiện nay (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018; Nguyễn Thanh Bình và cộng sự, 2018); góp phần thúc đẩy tiến trình xây dựng và phát triển trường học hạnh phúc do Công đoàn giáo dục Việt Nam, VTV7 & Bộ GD và ĐT khởi xướng (Công đoàn giáo dục Việt Nam, 2019; VTV7, 2021; Nguyễn Văn Hoà, 2019; Đàm Tiến Nam, 2019); bắt kịp những xu hướng phát triển giáo dục bền vững hiện nay trên thế giới (UNESCO, 2019).

Chương trình (bộ sách) có cách tiếp cận dựa trên những lí thuyết hiện đại về tâm lí và giáo dục hiện nay trên thế giới. Những lí thuyết này được cụ thể hóa bằng các nội dung và hoạt động cơ bản của mỗi chủ đề bài học (Trần Thị Lệ Thu & Bùi Thị Nga, 2021). Chương trình cũng chứng minh được tính hiệu quả trong việc giáo dục đồng thời GTS - KNS, góp phần phát triển năng lực cốt lõi cho học sinh phổ thông như nhiều nghiên cứu trước đó đã chỉ ra (Nguyễn Thanh Bình và cộng sự, 2018; Trần Thị Lệ Thu & Trần Thị Cẩm Tú, 2020, Tran Thi Le Thu et al., 2021). Chương trình giáo dục này cũng trực tiếp góp phần thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa việc hiện thực hoá Nghị quyết 29 của của Ban chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và đào tạo, trú trọng phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, Học đi đôi với hành; lí luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội (Ban chấp hành trung ương, 2013; Tillman, 2010; VTV7, 2019; VTV7, 2021; Nguyễn Văn Hoà, 2019).

Từ năm 2014 cho đến nay, mỗi lần tái bản nhóm TTT đều chỉnh sửa chương trình dựa trên những văn bản cập nhật về định hướng giáo dục của Bộ Giáo dục & Đào tạo, cũng như các kết quả khảo sát thực tiễn tại những cơ sở giáo dục có sử dụng bộ sách này (Nguyễn Đức Giang, 2021). Những kết quả phản hồi, góp ý của cả giáo viên, học sinh, cán bộ quản lí và phụ huynh đã được phân tích và xem xét điều chỉnh sao cho hợp lí. Việc điều chỉnh này bao gồm không chỉ cả nội dung (hoạt động, câu lệnh, thông điệp, v.v.) mà cả hình thức và các chi tiết về minh hoạ; các văn bản và tài liệu chỉnh sửa đều được nhóm TTT và đơn vị phụ trách xuất bản tổng hợp, lưu lại (Nguyễn Đức Giang, 2021).

Ưu thế nữa của chương trình này là luôn chú trọng giáo dục kĩ năng mềm nền tảng hay còn gọi cụ thể là kĩ năng cảm xúc xã hội; các học sinh được tiếp cận với nhóm KNM từ buổi học đầu tiên, nội dung này thể hiện trong từng hoạt động ở cả sách học sinh và sách giáo viên (Trần Thị Lệ Thu và cộng sự, 2021). Việc đồng thời giáo dục GTS và các kĩ năng mềm, kĩ năng cảm xúc - xã hội sẽ mang lại hiệu quả bền vững vì GTS là cái gốc, nếu chỉ giáo dục KNS thì chỉ có phần ngọn, cần giáo dục GTS là nền tảng; trái lại nếu chỉ giáo dục GTS thì lại chỉ có giáo lí, lí thuyết chứ chưa có thực hành; điều này cũng đã được khẳng định trong chương trình giáo dục GTS và các nghiên cứu của UNESCO (Tillman D., 2010; UNESCO, 2019).

Chương trình giáo dục GTS - KNS này đã được thực hiện tại Hệ thống Giáo dục Nguyễn Bình Khiêm (quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội) từ thời gian thực nghiệm cho tới hiện nay, các kết quả khảo sát, nghiên cứu định lượng và định tính hàng năm của các nhà tâm lí học đường tại cho thấy chương trình đã có tác động tích cực tới bầu không khí nhà trường, bầu không khí lớp học, đặc biệt có tác động tích cực tới việc nâng cao cảm nhận hạnh phúc của học sinh tiểu học NBK (Nguyễn Văn Hoà, 2021; VTV7, 2019; Tran Thi Le Thu et al., 2021). Điều này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu trên thế giới về bằng chứng đưa giáo dục GTS vào các trường phổ thông giúp nâng cao cảm nhận hạnh phúc của học sinh (Lovat et al., 2009; UNESCO, 2019, UNICEF, 2012; Payton et al., 2008; Hanbury, 2008; Joseph et al., 1989).

Chương trình Hoạt động trải nghiệm này cũng được nhóm xây dựng có tính kết nối và logic với các chương trình giáo dục đạo đức, giáo dục học sinh thanh lịch và các chương trình phòng ngừa trong tâm lí học đường đang được sử dụng cho học sinh tiểu học hiện nay (Đặng Thuý Anh và cộng sự, 2014; Nguyễn Thanh Bình và cộng sự, 2018; Trần Thị Lệ Thu, 2015; Trần Thị Lệ Thu, 2018).

Trong sách và tài liệu hướng dẫn giáo viên cũng có những chỉ dẫn về cách đánh giá cả định tính và định lượng quá trình học tập và tiến bộ của học sinh. Giáo viên và cha mẹ cũng có thể tham khảo và theo dõi sự tiến bộ của học sinh tại trường cũng như tại gia đình (Trần Thị Lệ Thu & Bùi Thị Nga, 2021). Đánh giá là thực sự cần thiết để có cơ sở điều chỉnh kịp thời nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục GTS - KNS sao cho phù hợp và hiệu quả. (Lovat et al., 2009; Lovat & Clement, 2008; UNESCO, 2019; Nguyễn Văn Hoà, 2020; Đàm Tiến Nam, 2020; Nguyễn Đức Giang, 2021).

Giáo dục GTS - KNS chỉ có thể có kết quả bền vững khi được thực hiện ở mọi môi trường sống và học tập của học sinh, chính vì vậy việc kết hợp với gia đình để rèn luyện, củng cố GTS - KNS và KNM cho học sinh tiểu học một cách đều đặn, kiên trì là rất cần thiết (Tillman, 2010; Trần Thị Lệ Thu, 2013; Mạc Văn Trang, 2011; Payton et al., 2008). Bộ sách của chương trình do nhóm TTT biên soạn đã đáp ứng được yêu cầu này, ở mỗi bài học hoạt động cuối cùng luôn là hoạt động trải nghiệm tại gia đình “Cả nhà cùng làm”; ở mỗi hoạt động này học sinh đều có tương tác với các thành viên khác nhau trong gia đình, một cách tự nhiên GTS - KNS được làm giàu có và lan toả ở trong chính gia đình học sinh (Trần Thị Lệ Thu & Bùi Thị Nga, 2021; Trần Thị Lệ Thu & Bùi Bích Liên, 2021, VTV7, 2021). Trong 10 năm qua, nhóm TTT không chỉ tập huấn phương pháp giáo dục GTS - KNS dành cho giáo viên tiểu học mà còn làm rất nhiều hội thảo về giáo dục GTS - KNS dành cho cha mẹ học sinh, đặc biệt ở các trường có sử dụng chương trình này. (VTV7, 2021; Nguyễn Văn Hoà, 2020; Đàm Tiến Nam, 2020).

Bộ sách của chương trình cũng phù hợp với đặc điểm văn hóa Việt Nam, phù hợp với các đặc điểm văn hóa xét theo vùng, miền. Chất liệu của các nội dung trong hoạt động trải nghiệm đều xuất phát từ đời sống văn hóa - xã hội, có cơ sở là bối cảnh sống của gia đình Việt Nam và văn hoá nhà trường Việt Nam nói chung. Các hoạt động đều gắn với những sự kiện văn hóa của đất nước như: ngày Tết cổ truyền, ngày Nhà giáo Việt Nam,... (Hội khoa học TL - GD Việt Nam, 2016; Nguyễn Đức Giang, 2021; Trần Thị Lệ Thu & Bùi Thị Nga, 2021; Trần Thị Lệ Thu & Bùi Bích Liên, 2021; VTV7, 2021).

Dù chương trình đã đạt được những thành công nhất định, có nhiều cơ sở giáo dục đang tiếp tục duy trì việc sử dụng bộ sách này để giáo dục học sinh trong suốt 10 năm qua nhưng chương trình không tránh khỏi những điểm hạn chế, cần liên tục điều chỉnh và khắc phục. Cụ thể như nhiều hoạt động khó và chưa thể điều chỉnh để phù hợp cả nông thôn, miền núi và thành thị (Nguyễn Đức Giang, 2021); chưa thể tập huấn tất cả các giáo viên và cán bộ nòng cốt, cán bộ quản lý ở những cơ sở sử dụng bộ sách này, cũng chưa thể thực hiện nhiều hơn nữa các hội thảo dành cho cha mẹ và gia đình học sinh về giáo dục GTS - KNS tại gia đình; vì vậy nhiều giáo viên còn khó triển khai và chưa thực sự triển khai đúng với các nguyên tắc, phương pháp giáo dục GTS - KNS mà chương trình đề ra; nhiều gia đình chưa thực sự đồng hành giáo dục GTS - KNS cho con cùng giáo viên và nhà trường (Nguyễn Đức Giang, 2021; Trần Thị Lệ Thu và cộng sự, 2020).

Từ những bàn luận nêu trên, nhóm TTT đưa ra một số đề xuất về việc triển khai và sử dụng chương trình cũng như bộ sách hoạt động trải nghiệm Giáo dục GTS - KNS cho học sinh tiểu học như sau: (1) Trước khi đưa chương trình và bộ sách vào giáo dục học sinh, nhà trường và các cơ sở giáo dục nên thực hiện các khoá tập huấn GTS - KNS tích cực dành cho Giáo viên và cán bộ quản lý, cán bộ nhân viên trong trường. (2) Tập huấn cho đội ngũ giáo viên nòng cốt (tốt nhất là toàn bộ giáo viên tham gia dạy học sinh tiểu học môn này) về bộ sách và cách giáo dục, giảng dạy GTS - KNS cho học sinh tiểu học. (3) Kết hợp giáo dục GTS - KNS với các hoạt động, sự kiện của nhà trường, với các sự kiện và hoạt động cộng đồng. (4) Lồng ghép giáo dục GTS - KNS trong mọi môn học và hoạt động ngoại khoá có thể. (5) Thực hiện các hội thảo, buổi họp với gia đình học sinh để trao đổi, tư vấn và hướng dẫn đồng hành với nhà trường giáo dục GTS - KNS cho học sinh. (6) Có khảo sát, đánh giá học sinh định tính, định lượng theo định kỳ để kịp điều chỉnh chương trình, phương pháp và cách tổ chức cho phù hợp. (7) Có thể kết hợp các nội dung giáo dục GTS - KNS với các chương trình phòng ngừa tâm lý học đường nếu nhà trường và cơ sở giáo dục có hoạt động tâm lý học đường dành cho học sinh.

3. Kết luận

Từ năm 2014 - thời điểm bộ sách ra đời cho đến nay, với 07 lần tái bản, 08 lần khảo sát, nghiên cứu và chỉnh sửa tổng thể chương trình; trong đó có 01 lần chỉnh sửa theo góp ý của hội đồng khoa học trong quá trình thẩm định. Với quy trình xây dựng chặt chẽ, từ khâu thực nghiệm

từng bài dạy tại thực tế đến khâu điều chỉnh chi tiết, đến quá trình thẩm định, triển khai và khảo sát góp ý điều chỉnh hàng năm trong mỗi lần tái bản,... Nhóm tác giả TTT cố gắng phát triển chương trình giáo dục này sao cho phù hợp nhất với đặc điểm tâm lí học sinh tiểu học, định hướng giáo dục phổ thông tổng thể của Việt Nam, xu hướng giáo dục vì sự phát triển bền vững của UNESCO, tình hình văn hoá - giáo dục tại Việt Nam và trên thế giới (Tran Thi Le Thu, 2020; UNESCO, 2019, Trần Thị Lệ Thu và cộng sự, 2021; Tran Thi Le Thu, 2014).

Hành trình cho ra đời, thử nghiệm và triển khai áp dụng bộ sách vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học là một hành trình dài, đòi hỏi tâm huyết, tính khoa học, tính thực tiễn, tính nhân văn và đặc biệt là phù hợp về trình độ tư duy học sinh và bối cảnh văn hóa, kinh tế tại Việt Nam (Hội Khoa học Tâm lí - Giáo dục Việt Nam, 2016). Việc cập nhật dựa trên những phản hồi, bằng chứng khoa học sẽ là căn cứ để hoàn thiện bộ sách. Nhóm TTT hiện nay vẫn tiếp tục điều chỉnh và mở rộng triển khai chương trình này nhiều hơn nữa tới các trường tiểu học cũng như các cơ sở giáo dục công lập và tư thục trên cả nước; đồng thời cố gắng khắc phục những tồn tại, những điểm còn hạn chế để mỗi năm tái bản lại hoàn thiện hơn cả về nội dung cũng như hình thức (Nguyễn Đức Giang, 2021).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đặng Thúy Anh, Lê Minh Châu, Nguyễn Thị Việt Hà, Nguyễn Thị Thanh Mai, Trần Thị Tổ Oanh, Phạm Thị Thu Phương, Lưu Thu Thủy, Đào Văn Vi, 2014. *Giáo dục kĩ năng sống trong môn Giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở* (Tài liệu dành cho giáo viên). Nxb Giáo dục Việt Nam.
- [2] Ban chấp hành Trung ương, 2013. Nghị quyết Hội nghị trung ương 8 khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và đào tạo. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-quyet-29-NQ-TW-nam-2013-doi-moi-can-ban-toan-dien-giao-duc-dao-tao-hoi-nhap-quoc-te-212441.aspx>
- [3] Bộ giáo dục và Đào tạo, 2018. Chương trình Hoạt động trải nghiệm/ Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (moet.gov.vn).
- [4] Công đoàn giáo dục Việt Nam, 2019. Hướng dẫn CĐ các trường học tổ chức tham gia XD trường học hạnh phúc theo “Kế hoạch nâng cao năng lực ứng xử sự phạm đạo đức nhà giáo NLĐ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới” Công văn 312. <http://congdoangdn.org.vn/index.aspx?def=538>.
- [5] Nguyễn Thanh Bình, Lưu Thu Thủy, Đào Thị Oanh, Nguyễn Thị Kim Dung, Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Hoàng Đoàn Huy, Vũ Thị Hồng, 2018. *Phát triển năng lực cốt lõi cho học sinh phổ thông theo tiếp cận giá trị và kĩ năng sống*. Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018. Chương trình giáo dục phổ thông, chương trình tổng thể.
- [7] Nguyễn Đức Giang, 2021. Biên bản tổng hợp điều chỉnh bộ sách giáo dục GTS - KNS qua 07 lần tái bản. Công ty TNHH Sách và Thiết bị giáo dục Đông Đô.
- [8] Hanbury C., 2008. *The life skills handbook*. VSO.
- [9] Hội Khoa học Tâm lí - Giáo dục Việt Nam, 2016. Biên bản họp hội đồng đánh giá thẩm định bộ sách giáo dục GTS - KNS dành cho học sinh và giáo viên tiểu học. Hội Khoa học Tâm lí - Giáo dục Việt Nam.
- [10] Nguyễn Văn Hòa, 2019. Báo cáo xây dựng trường học Hạnh Phúc. VTV7 - Đài Truyền hình Việt Nam.
- [11] Joseph P. Allen, Roger P. Weissberg and Jacquelyn A. Hawkins, 1989. Relation between values and social competence in early adolescence. *Development Psychology*. Vol. 25. No. 3. P. 458 - 464.

- [12] Nguyễn Công Khanh, 2012. *Phương pháp giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống*. Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [13] Lions Clubs International Foundation, 2015. *Lions quest - life skills for action – skill*.
- [14] Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Bùi Thị Thuý Hằng, 2010. *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh tiểu học* (Tài liệu dùng cho giáo viên tiểu học). Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [15] Lovat T. & Clement N, 2008. Quality teaching and values education: Coalescing for effective learning. *Journal of Moral Education*. 37 (1). P. 1 - 16.
- [16] Lovat T., Clement N., Dally K. & Toomey R, 2009. *Project to test and measure the impact of values education on student effects and school ambience*. The University of Newcastle. Australia.
- [17] Đàm Tiến Nam, 2019. *Báo cáo trường học Hạnh phúc*. Phòng Giáo dục Quận Cầu Giấy - Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.
- [18] Payton J.W., Weissberg R.P., Durlak J.A., Dymnicki A.B., Taylor R.D. & Schellinger K.B, 2008. *The positive impact of social and emotional learning for kindergarten to eighth-grade students: Findings from three scientific reviews*. Collaborative for Academic, Social, and Emotional Learning. Chicago. IL.
- [19] Tillman D, 2010. *Những giá trị sống cho trẻ 8 - 14 tuổi*. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [20] Tillman D.G, 2010. *Living values - parent values groups*. An Educational Program. InC.
- [21] Thu Le Thi Tran, Huong Mai Thi Phan, Ai Nhan Thi Nguyen, Huong Dieu Nguyen., 2021. Correlations between Living Values and Life Skills of Secondary School Students in Vietnam. *European Journal of Contemporary Education* (SCOPUS- Q2). Academic Publishing House Researcher s.r.o. All rights reserved. Published in the Slovak Republic European Journal of Contemporary Education E-ISSN 2305-6746 2021, 10(1): 148-158. DOI: 10.13187/ejced.2021.1.148. <https://files.eric.ed.gov/fulltext/EJ1294669.pdf>.
- [22] Trần Thị Lệ Thu & Trần Thị Cẩm Tú, 2020. Xu hướng tiếp cận và mối qua hệ giữa giáo dục Giá trị sống- Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*. Volume 65, Issue 4, 2020. 70 - 78.
- [23] Trần Thị Lệ Thu, Bùi Thị Nga, 2021. Giáo dục giá trị sống và Kỹ năng sống cho học sinh lớp 4 (tài liệu dành cho giáo viên). Công ty TNHH Sách và Thiết bị giáo dục Đông Đô.
- [24] Trần Thị Lệ Thu, Bùi Bích Liên, 2021. *Giáo dục giá trị sống và Kỹ năng sống cho học sinh lớp 2* (sách dành cho học sinh tập 1 & tập 2). Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [25] Trần Thị Lệ Thu, 2013. *Xây dựng môi trường gia đình dựa trên nền tảng những giá trị sống và kỹ năng sống tích cực - điều kiện tiên quyết để phát triển nhân cách trẻ em*. Kì yếu hội thảo “Tâm lý học và vấn đề cải thiện môi trường giáo dục hiện nay”. Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam. P. 296 - 299.
- [26] Tran Thi Le Thu, Bui Bich Lien, Bui Thi Nga, Bui Thi Diem My, Phung Thi Nam, Cao Thi Lan Nhi, 2021. *Living values practices and recommendations to improve living values education for primary students*. Proceeding of the 2nd International Conference on Innovation in Learning Instruction and Teacher Education- ILITE 2. University of Education Publishing House. 680 - 692.
- [27] Tran Thi Le Thu, 2020. Development trends and sustainability of the living values and life skills programs in Vietnamese schools. *HNUE Journal of Science. Educational Sciences*, 2020, Volume 65, Issue 12, pp. 64-74. DOI: 10.18173/2354-1075.2020-0111.
- [28] Thu Thi Le Tran, Huong Thi Mai Phan, Ai Thi Nhan Nguyen, Nam Thi Phung, Loc Phuc Nguyen, Duong Hoang Le, 2019. *Effectiveness of living value education program for*

teachers in changing their interaction with students through students' assessment - A qualitative case study. Competency-based learning and teacher education. Proceeding of the 1st International Conference on Innovation in Learning Instruction and Teacher Education - ILITE 1. University of Education Publishing House. 230 - 243.

- [29] Tran Thi Le Thu, 2014. *Living values & life skills programs in Vietnamese schools*. ICER. Innovations & good Practices in Education: Global Perspective. 7. P. 343 - 352.
- [30] Trần Thị Lệ Thu, 2015. Chương trình giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống dành cho học sinh tiểu học của nhóm HIH thuộc Quỹ Tài năng trẻ Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam. *Tâm lý học và Giáo dục học với phát triển phẩm chất và năng lực người học*. Nxb Thế giới. Tr. 226 - 235.
- [31] Mạc Văn Trang, 2011. *Giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông hiện nay*. Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Hà Nội. Kỷ yếu Hội thảo khoa học. Tr. 28 - 39.
- [32] UNESCO, 2019. *Cognitive, social and emotional, and behavioral learning in education for sustainable development and global citizenship from pre-primary to secondary education*. UNESCO Education Sector.
- [33] UNICEF, 2012. Global evaluation of life skills education programs, evaluation office.
- [34] VTV7, 2021. Chương trình tọa đàm “Thay đổi vì một trường học Hạnh Phúc”. Sở GD & ĐT thành phố Hải Phòng. <https://www.youtube.com/watch?v=TroyklBOsBY>
- [35] VTV7, 2019. Chương trình “Cha mẹ thay đổi”. Đài truyền hình Việt Nam. <https://www.youtube.com/watch?v=2HSS89x3MwU&list=PLmQ5jM-TsmbyYID7tblipFz-9DvOmT7wO>

ABSTRACT

Experiential program “Living values and life skill education” for primary students based on the current education reform

Tran Thi Le Thu¹, Tran Thi Cam Tu¹, Nguyễn Đức Giang²
Bui Thi Nga³ và Bui Bich Lien³

¹ Faculty of Psychology and Education, Hanoi National University of Education

² University of Languages and International Studies, Vietnam National University – Hanoi

³ Nguyễn Bình Khiêm Educational System - Cau Giay district, Ha Noi city

The article introduces an overview of the experiential program “Living values and life skill education” for elementary students of the group “Hand in hand”, the program was approved by the scientific committee of the Vietnam Association of Psychology and Education since 2016, adjusted annually and printed into books to educate students in many primary schools over the country. The article focuses on analysis and discussion on: Scientific basis of the program, approach to program development, program objectives, overall content of the program, educational principles, methods, and educational organization of this program. The article also analyzes and describes the consistency of the program with the world education orientation and the goals and orientations of the current general education reform program issued by the Vietnam Ministry of Education and Training; At the same time, some proposals for the implementation of this experiential program in schools and educational institutions in the future will also be analyzed and discussed.

Keywords: living values, living skills, experiential activities, educational reform, primary school, general education program.